PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2012/TTLT-BTTTT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2012*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn việc quản lý, cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 50/2011/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 125/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia

Liên Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc quản lý, cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định các nội dung sau đây:

a) Hướng dẫn việc cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không mà phải thực hiện việc phối hợp, đăng ký tần số vô tuyến

điện với Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) và Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU).

b) Quy định quy trình phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong việc đăng ký, phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện trong lĩnh vực hàng không;

c) Quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không.

3. Thông tư này không áp dụng đối với việc sử dụng tần số vô tuyến điện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Ấn định tần số vô tuyến điện dựa trên cơ sở dữ liệu về tần số vô tuyến điện của Liên minh Viễn thông quốc tế và cơ sở dữ liệu về tần số vô tuyến điện trong nước; cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; tham gia phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện.

2. Đăng ký tần số vô tuyến điện với Liên minh Viễn thông quốc tế.

3. Xử lý nhiễu có hại đối với việc sử dụng tần số vô tuyến điện trong lĩnh vực hàng không đã được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.

Điều 3. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

1. Phối hợp với các Nhà chức trách hàng không dân dụng quốc tế, Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế trong việc sử dụng các tần số vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không (sau đây gọi là phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện).

2. Đăng ký tần số vô tuyến điện đã được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không với Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

3. Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xử lý nhiễu có hại trong việc sử dụng tần số vô tuyến điện thuộc lĩnh vực hàng không với các nước có liên quan.

Điều 4. Cơ quan thực hiện

1. Cơ quan thực hiện của Bộ Thông tin và Truyền thông là Cục Tần số vô tuyến điện.

2. Cơ quan thực hiện của Bộ Giao thông vận tải là Cục Hàng không Việt Nam.

Điều 5. Nộp lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện và nhận giấy phép

Tổ chức, cá nhân chỉ được nhận giấy phép khi đã nộp đủ lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép tương ứng và nộp đủ phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định.

Chương II
THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm Bản khai đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (sau đây gọi tắt là bản khai) theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Tiếp nhận hồ sơ và giao nhận giấy phép

1. Tiếp nhận hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép lập 02 bộ hồ sơ gửi Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

2. Phương thức tiếp nhận hồ sơ và giao nhận giấy phép

a) Việc tiếp nhận hồ sơ và giao nhận giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thực hiện thông qua phương thức nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua phương tiện điện tử.

b) Việc tiếp nhận hồ sơ, giao nhận giấy phép và việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện bằng phương tiện điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và phải đáp ứng quy định về hồ sơ, thủ tục của Thông tư này.

Điều 8. Trình tự phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện

1. Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định của tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị Cục Hàng không Việt Nam phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện các công việc sau:

a) Phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện với các Nhà chức trách hàng không quốc tế, Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

b) Phối hợp với tổ chức, cá nhân triển khai phát, thu thử tần số vô tuyến điện khi cần thiết, trên cơ sở ý kiến đồng ý của Cục Tần số vô tuyến điện. Cục Tần số vô tuyến điện có ý kiến về việc phát, thu thử trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu phát, thu thử của Cục Hàng không Việt Nam.

c) Gửi văn bản thông báo cho Cục Tần số vô tuyến điện về kết quả phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện bao gồm cả trường hợp phối hợp thành công và không thành công. Trường hợp phối hợp thành công, nội dung thông báo bao gồm thông tin về các tần số phối hợp thành công kèm theo nhận dạng của đài vô tuyến điện.

3. Trong trường hợp đặc biệt, việc phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện cần có sự phối hợp chuyên sâu về kỹ thuật, Cục Hàng không Việt Nam phối hợp với Cục Tần số vô tuyến điện thực hiện việc phối hợp này.

4. Trường hợp từ chối phối hợp và đăng ký tần số vô tuyến điện với Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế, Cục Hàng không Việt Nam thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối gửi Cục Tần số vô tuyến điện trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cục Tần số vô tuyến điện.

Điều 9. Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Cấp giấy phép

a) Trường hợp việc ấn định tần số vô tuyến điện và phối hợp tần số trong nước là khả thi, Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Hàng không Việt Nam về kết quả phối hợp quốc tế thành công với Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

b) Trường hợp việc ấn định tần số vô tuyến điện và phối hợp tần số trong nước không khả thi, trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Hàng không Việt Nam về kết quả phối hợp quốc tế, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo bằng văn bản, gửi Cục Hàng không Việt Nam để thực hiện lại việc phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện theo quy trình quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 8 của Thông tư này, đồng thời thông báo cho tổ chức, cá nhân.

c) Trường hợp từ chối cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

Cục Tần số vô tuyến điện thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối, gửi tổ chức, cá nhân trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về kết quả việc phối hợp quốc tế không thành công hoặc công văn từ chối phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện của Cục Hàng không Việt Nam.

2. Gia hạn giấy phép

a) Trước khi giấy phép hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện phải lập và gửi hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Thông tư này.

b) Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết gia hạn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép

a) Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (trừ việc sửa đổi thời hạn hiệu lực của giấy phép) thì phải lập và gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Thông tư này.

b) Trường hợp nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung không ảnh hưởng đến tần số vô tuyến điện đã được cấp giấy phép, Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

c) Trường hợp nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung ảnh hưởng đến tần số vô tuyến điện đã được cấp giấy phép (như thay đổi về tần số, công suất phát, mục đích sử dụng, địa điểm đặt thiết bị) thì thực hiện theo quy trình, thủ tục quy định tại Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Thông tư này.

4. Thời hạn hiệu lực của giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện sử dụng tần số nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không được thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.

5. Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam về việc cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.

6. Ngừng sử dụng tần số, thiết bị vô tuyến điện

a) Trong thời hạn còn hiệu lực của giấy phép, nếu tổ chức, cá nhân không còn nhu cầu sử dụng tần số, thiết bị vô tuyến điện thì thông báo bằng văn bản cho Cục Tần số vô tuyến điện.

b) Nội dung thông báo bao gồm thông tin về số của giấy phép ngừng, ngày hết hạn, ngày ngừng sử dụng.

Điều 10. Đăng ký tần số vô tuyến điện với Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế và Liên minh Viễn thông quốc tế

1. Cục Hàng không Việt Nam thực hiện đăng ký tần số vô tuyến điện với Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Tần số vô tuyến điện về việc cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.

2. Cục Tần số vô tuyến điện thực hiện việc đăng ký tần số vô tuyến điện với Liên minh Viễn thông quốc tế trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01tháng 5 năm 2012.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Cục Tần số vô tuyến điện, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm phối hợp, triển khai thực hiện và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có sự bất hợp lý đề nghị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**
Đinh La Thăng	**Nguyễn Bắc Son**

MẪU BẢN KHAI

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BTTTT-BGTVT ngày 24/02/2012 giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Giao thông vận tải)

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

(đối với đài vô tuyến điện sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không cần phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện)

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC (HOẶC CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP				
1.1. Số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (nếu là cá nhân)	Số		Ngày cấp	
	Cấp tại			
1.2. Số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là tổ chức)	Số		Ngày cấp	
	Cơ quan cấp			
1.3. Tài khoản	Số			
	Ngân hàng			
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	( ) Đồng ý ( ) Không đồng ý		
1.4. Địa chỉ liên lạc				
1.5. Số FAX/số điện thoại		1.6. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email)		
2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ	( ) Cấp mới cho…….. thiết bị (... tờ của Phụ lục 1)			
	( ) Gia hạn cho… giấy phép số ….. (... tờ của Phụ lục 2)			
	( ) Bổ sung hoặc thay đổi.... cho giấy phép (.... tờ của Phụ lục 1)			
	( ) Ngừng..... giấy phép số........ (.... tờ của Phụ lục 3)			
3. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG				

4. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT

4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.

4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan *(Ký tên và đóng dấu)*	*Làm tại ...., ngày.... tháng.... năm......* **Người khai ký, ghi rõ họ tên**

Phụ lục 1

THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

☐ Cấp mới ☐ Sửa đổi, bổ sung

Tờ số: ……………/tổng số tờ của Phụ lục 1: …………

1. Tham số kỹ thuật của thiết bị thu sóng vô tuyến điện:

Thiết bị thu / Tham số kỹ thuật				
1.1. Băng tần số				
1.2. Độ nhạy (dBm)				
1.3. Vùng thu	( ) Theo vùng			
	( ) Theo vòng tròn			
	( ) Khác			

2. Tham số kỹ thuật và khai thác của thiết bị phát sóng vô tuyến điện

Thiết bị phát / Tham số kỹ thuật				
2.1. Các mức công suất phát				
2.2. Kiểu điều chế				
2.3. Phương thức phát				
2.4. Dải tần thiết bị	Phát			
	Thu			
2.5. Dải thông (kHz) hoặc tốc độ truyền (Kb/s)				
2.6. Tổn hao Fider (dB)				
2.7. Địa điểm đặt thiết bị phát sóng VTĐ				
2.8. Ăng-ten	a) Kiểu			
	b) Kích thước (m)			
	c) Dải tần làm việc			
	d) Độ cao so với mặt đất (m)			
	đ) Độ cao so với mực nước biển (m)			
	e) Góc phương vị của hướng bức xạ chính (^{o})			
	g) Hệ số khuếch đại (dBi)			
	h) Kinh độ (^{o} ’ ” E)			
	i) Vĩ độ (^{o} ’ ” N)			
	k.) Tọa độ WGS-84 (nếu có)			
	l) Hướng tính	D ( ) / ND ( )	D ( ) / ND ( )	D ( ) / ND ( )
	m) Phân cực			
2.9. Giờ hoạt động				
2.10. Đối tượng liên lạc				
2.11. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép				
2.12. Mục đích sử dụng				
3. Số lượng tần số và tần số dự kiến				
4. Thời gian dự kiến đưa vào sử dụng				
5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG				

Phụ lục 2

GIA HẠN GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Tờ số:............................./tổng số tờ của Phụ lục 2:...............

STT	**Số giấy phép**	**Ngày hết hạn**	**Thời gian gia hạn** (gia hạn đến hết ngày.........)

Phụ lục 3

THÔNG BÁO NGỪNG SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Tờ số: ……………/tổng số tờ của Phụ lục 3:………

STT	Số giấy phép	Ngày hết hạn	Ngày ngừng sử dụng

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VTĐ

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với:

*** Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,**
115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564930

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị VTĐ; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho các đài vô tuyến điện sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không.

Số: kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa họ tên của cá nhân hoặc tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số chứng minh nhân dân (hộ chiếu), ngày cấp, nơi cấp đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép; ghi theo hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.3. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ thường trú của cá nhân hoặc địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức.

Điểm 1.5. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng)

Điểm 1.6. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1.

- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.

- Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.

- Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.

Điểm 3: Ghi các thông tin cần bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật, khai thác

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp mới’ hoặc ô “sửa đổi, bổ sung” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục 1 khi đề nghị cấp mới. Mỗi tờ khai của Phụ lục được dùng để kê khai cho 3 loại thiết bị (kê khai tên thiết bị) tương ứng với 3 cột. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Các thiết bị cùng loại, có thông số giống nhau kê khai một lần vào một cột và ghi rõ số lượng thiết bị bên cạnh. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Phụ lục.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Phụ lục 1 khi bổ sung, sửa đổi. Mỗi giấy phép cần sửa đổi, bổ sung khai vào một cột; ghi rõ số giấy phép, tên thiết bị vào hàng đầu tiên của cột. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

- Ghi tên thiết bị đề nghị cấp mới vào hàng thứ nhất của các cột.

1. Tham số kỹ thuật của thiết bị thu sóng VTĐ:

1.1. Băng tần số: Là băng tần số mà thiết bị làm việc.

1.2. Độ nhạy: Là độ nhạy của thiết bị được tính theo đơn vị dBm.

1.3. Vùng thu: Tổ chức, cá nhân tích vào 1 trong 3 lựa chọn

- Nếu thu theo vùng: khai theo tên quốc gia;

- Nếu chọn thu theo vòng tròn: khai kinh độ, vĩ độ của điểm tâm vòng tròn thu và bán kính thu;

- Nếu chọn thu theo các dạng khác: khai ít nhất tọa độ của 3 điểm thu thuộc vùng thu đó.

2. Tham số kỹ thuật và khai thác của thiết bị phát sóng VTĐ

2.1. Các mức công suất phát: Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo như: công suất cực đại, công suất cực tiểu, công suất danh định,...

2.2. Kiểu điều chế: Kê khai kiểu điều chế của thiết bị như: AM, FM, PSK, FSK,...

2.3. Phương thức phát: Kê khai các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E;304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

2.4. Dải tần thiết bị: Là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

2.5. Dải thông hoặc Tốc độ truyền: Khai độ chiếm dụng băng tần của một kênh (theo đơn vị kHz) hoặc khai tốc độ truyền của thiết bị đó (theo đơn vị Kb/s).

2.6. Tổn hao Fider (dB): Bằng tổn hao trên 1 mét Fider (dB/m) nhân với chiều dài Fider (m).

2.7. Địa điểm đặt thiết bị phát sóng VTĐ:

- Đối với thiết bị đặt cố định, khai đầy đủ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh).

- Đối với thiết bị lưu động, khai đầy đủ lưu động bằng phương tiện cụ thể (ví dụ: ôtô, tàu hỏa,...), lưu động trong phạm vi nào.

2.8. Ăng-ten:

a) Kiểu ăng-ten: Khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Catalog (VD: Loga-chu kỳ, AD-22/C, Trival). Trong trường hợp không khai được đầy đủ như trên thì phải ghi rõ an ten thuộc loại nào (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipol, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...);

b) Kích thước: Là độ dài của ăng-ten hoặc đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m);

c) Dải tần làm việc: Khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho;

d) Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m);

đ) Độ cao so với mực nước biển: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt nước biển;

e) Góc phương vị của hướng bức xạ chính: là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ;

g) Hệ số khuếch đại: Tính theo đơn vị dBi;

h, i) Kinh độ, vĩ độ: ghi theo độ, phút, giây của thiết bị đặt cố định;

k) Khai tọa độ WGS - 84 nếu có;

l) Hướng tính: Đánh dấu "X" vào các chỗ trống, D tương ứng với có hướng, ND tương ứng với vô hướng;

m) Phân cực: Khai phân cực của an ten như thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...

2.9. Giờ hoạt động: Khai giờ hoạt động của thiết bị trong ngày. Ví dụ: từ 5 giờ đến 14 giờ. Nếu khai thác liên tục 24/24, ghi là H24. Nếu hoạt động vào các giờ bất kỳ trong ngày, ghi là Hx.

2.10. Đối tượng liên lạc: ghi rõ hô hiệu hoặc nhận dạng của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với nhau.

2.11. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép tần số và thiết bị phát sóng VTĐ ghi theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng (ghi cụ thể số năm đề nghị cấp giấy phép).

2.12. Ghi rõ sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

3. Số lượng tần số và tần số dự kiến: Ghi cụ thể tần số dự kiến sử dụng và tổng số tần số dự kiến sử dụng.

4. Thời gian dự kiến đưa vào sử dụng: Ghi rõ ngày tháng năm dự kiến đưa thiết bị vào sử dụng.

5. Kê khai các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số…. đến số….) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số…. đến số….) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.